

Name:

Date: / / 20....

Class: S3...



Grammar:

Listening:

Mini Test:

MEALTIME

Vocabulary & Short Speech

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	noodles (n)	mì	7	sour (adj)	chua
2	chips (n)	khoai tây lát mỏng	8	spicy (adj)	cay
3	pizza (n)	bánh pizza	9	salty (adj)	mặn
4	fried chicken (n.phr)	gà chiên	10	everyday (adj)	hàng ngày
5	sweet (adj)	ngọt	11	once (a week)	một lần (mỗi tuần)
6	bitter (adj)	đắng	12	twice (a month)	hai lần (mỗi tháng)

❖ **Note:** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; n.phr = noun phrase: cụm danh từ

B. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer

0. There are _____ cups in the kitchen.

- ☒ A. some B. little C. A & B

1. The dark chocolate is _____. I cannot eat it.

- A. bitter B. sour C. spicy

2. I like _____ because it's *crispy* (giòn).

- A. fried chicken B. noodles C. candy

3. I go to the gym every Saturday. I go there _____ a week.

- A. once B. twice C. A & B
4. She goes to the park twice _____.
- A. a month B. month C. a months
5. The pepper (*tiêu*) makes this so _____.
- A. salty B. spicy C. sweet

Exercise 2: Fill in the blank

0.  <u>sweet</u>	1.  p_____a
2.  s_____y	3.  c_____s
4.  n_____s	5.  s_____r

Exercise 3: Arrange the sentences

0. My / is / name / James.

→ My name is James.

1. She / once / week / a / has / music / lesson / .

→ _____.

2. twice / I / yesterday / saw / him / .

→ _____.

3. I / chips / love / because / good / it's / .

→ _____.

4. The / spicy / noodles / are / .

→ _____.

5. oranges / These / sour / are / .

→ _____.

Con nghe bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/14eUhkXdCHkTBwIw6vItHa4PMUyygLjB0/view?usp=sharing>

Part 1

– 5 questions –

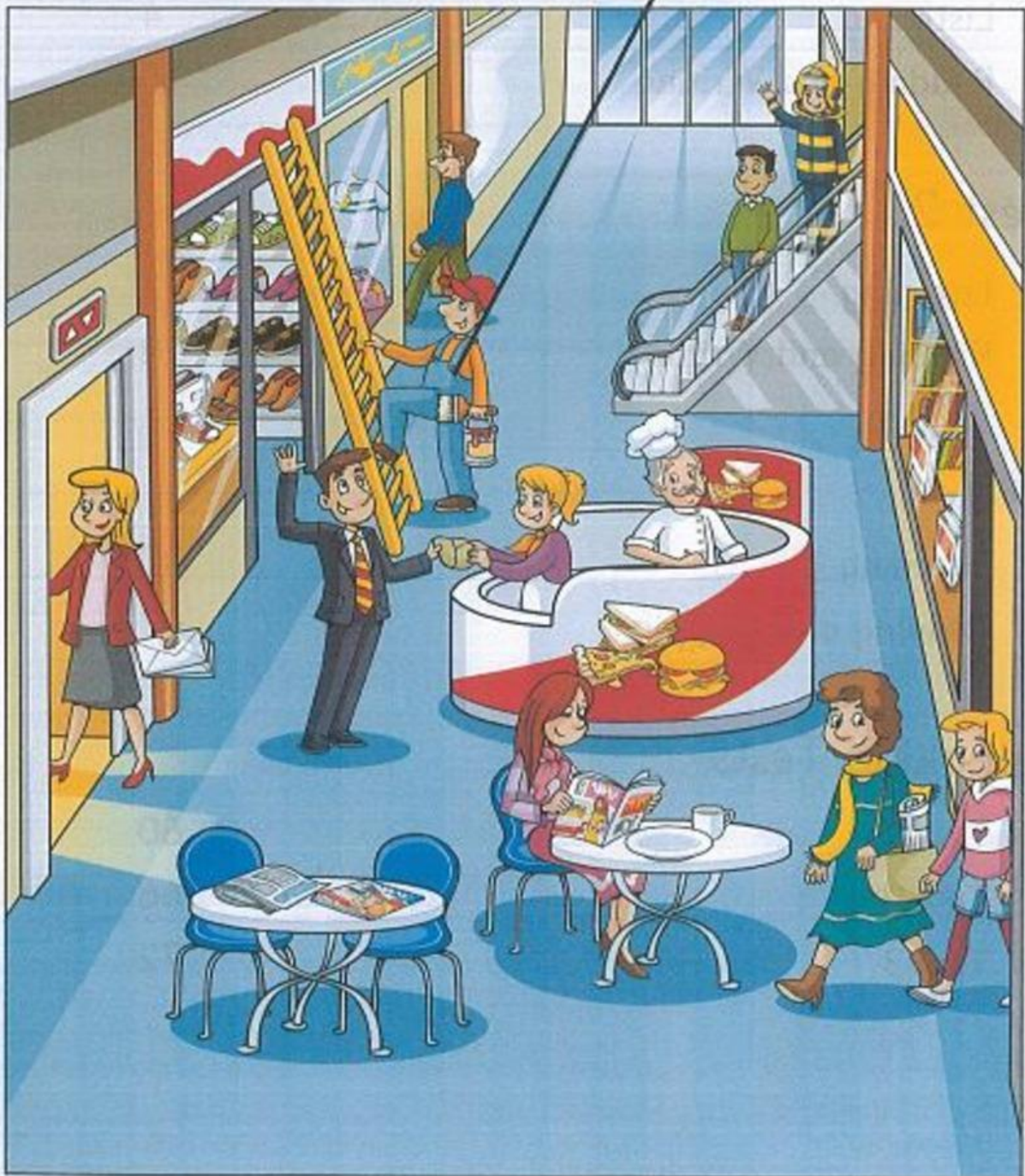
Listen and draw lines. There is one example.

Harry

Emma

Richard

Helen



William

Oliver

Sarah

MINI TEST

Exercise 1: Fill in the blank

I love all four ⁰seasons. I like summer because it's ¹s_____y. I love ²_____r because it's ³sn_____. I like fall because there is wind *everywhere* (mọi nơi), it's very ⁴w_____y. ⁵S_____g is also great because the flowers in my garden are beautiful. I can't wait to fly kites in the spring.

Exercise 2: Circle the correct answer

0. I read / reads books.

1. Hannah **are playing** / **is playing** with her friends now.

2. She **isn't watching** / **doesn't watch** TV right now.

3. **Is** / **Are** Suzie reading books now?

4. **Am** / **Is** he having dinner?

5. They **are** / **aren't** swimming. They are playing football in the yard.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

